

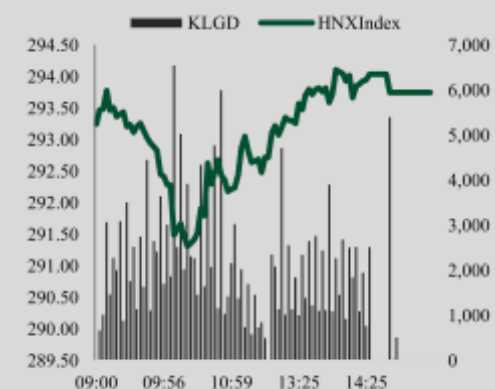
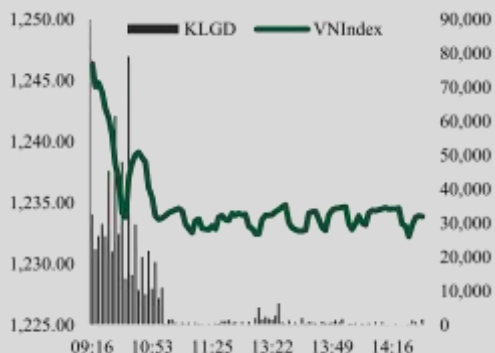
TIÊU ĐIỂM

Các chỉ số đều giảm điểm trước áp lực bán mạnh ở nhóm vốn hóa lớn, đặc biệt là nhóm Ngân hàng. Thanh khoản thị trường hôm nay giảm nhẹ so với phiên liền trước cả về giá trị và khối lượng giao dịch

Thông kê thị trường	HSX	HNX
Index	1,234.89	293.75
Thay đổi	-0.60%	0.31%
KLGD (cổ phiếu)	664,507,710	183,298,861
GTGD (tỷ VND)	14,522.99	3,009.24

Số cổ phiếu tăng giá	167	114
Số cổ phiếu đứng giá	74	61
Số cổ phiếu giảm giá	233	100

Sản phẩm phái sinh	Chỉ số	Thay đổi
VN30F1M	1,243.20	-8.80
VN30F2M	1,241.60	-9.30
VN30F1Q	1,240.80	-7.30
VN30F2Q	1,238.50	-11.10



VN INDEX ĐIỀU CHỈNH GIẢM SAU 8 PHIÊN TĂNG LIÊN TIẾP

- Các chỉ số đều giảm điểm trước áp lực bán mạnh ở nhóm vốn hóa lớn, đặc biệt là nhóm Ngân hàng. Thanh khoản thị trường hôm nay giảm nhẹ so với phiên liền trước cả về giá trị và khối lượng giao dịch
- Trước những diễn biến tích cực của thị trường chứng khoán Mỹ cuối phiên trước, VN – Index mở cửa tăng điểm tích cực. Tuy nhiên, việc các chỉ số chỉ số chứng khoán lớn trên thế giới như Nikkei 225, Hang Seng, Kospi... đều giảm điểm đã ít nhiều tác động tiêu cực tới tâm lý giới đầu tư trong nước trong phiên sáng và phe bán dần chiếm ưu thế, do đó chỉ số VN – Index quay đầu giảm mạnh. Đà giảm này được duy trì cho tới khi kết phiên do ảnh hưởng của một số bluechips như VCB, BID, VHM, VIC..., khi các cổ phiếu này đều giảm trên 1.70%. Chỉ số VN – Index giảm 7.49 điểm (-0.60%), chốt phiên tại mức 1,234.89 và HNX – Index dừng tại mức 293.75 (+0.31%). Thanh khoản giảm so với phiên trước, nhưng vẫn duy trì ở mức cao với tổng giá trị trên cả ba sàn đạt khoảng 18,000 tỷ VND.
- Lực cầu bắt đáy xuất hiện tại các cổ phiếu bluechips mà trọng tâm là nhóm cổ phiếu Ngân hàng và Bất động sản đã giúp chỉ số VN Index không giảm quá sâu. Chúng tôi cho rằng chỉ số sẽ tiếp tục xu hướng dao động tích lũy đi ngang trong vùng 1,200 – 1,250 điểm trong bối cảnh thiếu vắng thông tin hỗ trợ như hiện tại

Khuyến nghị

- Chúng tôi cho rằng nhà đầu tư theo trường phái “lướt sóng” tạm thời nên tiếp tục quan sát thêm diễn biến của chỉ số chung để xác định rõ ràng hơn xu hướng ngắn hạn trước khi giải ngân, còn nhà đầu tư dài hạn vẫn có thể cân nhắc tích lũy thêm cổ phiếu cho giai đoạn sắp tới nhưng cần chú trọng triển vọng tăng trưởng và sức khỏe tài chính của công ty
- *Tham khảo thêm top 10 doanh nghiệp có lợi nhuận sau thuế tăng trưởng trong Q4.2020 so với cùng kỳ năm ngoài trong phần Thống kê thị trường của báo cáo này.*

Đánh giá triển vọng thị trường

Ngắn hạn	Trung hạn	Dài hạn
TÍCH CỰC	TÍCH CỰC	TÍCH CỰC

Một số tin tức đáng chú ý

- **Nỗi lo lạm phát ngày càng trở nên căng thẳng khi Trung Quốc 'tăng giá' với cả thế giới.** Chi phí nguyên vật liệu thô gia tăng và những đợt gián đoạn liên tiếp trong chuỗi cung ứng là yếu tố khiến nhiều nhà xuất khẩu Trung Quốc nâng giá hàng hóa. Điều này làm dấy lên mối lo ngại về áp lực lạm phát toàn cầu sẽ tăng lên.
- **IMF cảnh báo không nên thắt chặt chính sách tiền tệ sớm.** IMF cảnh báo Mỹ và các quốc gia giàu có khác không nên thắt chặt chính sách tiền tệ sớm, tránh tăng chi phí đi vay và gánh nặng nợ cho các quốc gia phụ thuộc vào nguồn tài chính từ nước ngoài.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

VN Index



VN Index tạo nền đồ đặc giảm điểm và lùi về sát mốc 1,230 điểm. Chúng tôi cho rằng nhà đầu tư nên đứng ngoài thị trường và quan sát diễn biến trước khi đưa ra quyết định đầu tư ngắn hạn tiếp theo. Ngưỡng kháng cự tại 1,245 – 1,250, ngưỡng hỗ trợ tại 1,150 – 1,160.

Cổ phiếu đáng chú ý trong ngày

STT	MÃ KHUYẾN NGHỊ	GIÁ MUA	NHẬN ĐỊNH
1	DIG	30.90	Bứt phá khỏi vùng tích lũy với khối lượng lớn Dùng lỗ: 29.40 Chốt lời: 35.55



THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

TOP 5 CP LÀM TĂNG CHỈ SỐ

HOSE

CP	Giá	% thay đổi	TĐCS	KLGD
GVR	28,400	1.43	0.426	3.15MLN
NVL	88,800	0.79	0.184	2.63MLN
GEX	28,500	4.59	0.162	10.63MLN
DXG	25,200	4.13	0.138	12.69MLN
DIG	30,900	5.46	0.134	10.48MLN

HNX

CP	Giá	% thay đổi	TĐCS	KLGD
SHB	25,200	0.80	0.408	18.08MLN
VND	35,500	4.41	0.361	7.74MLN
NVB	17,800	3.49	0.358	7.17MLN
IDC	40,800	1.75	0.153	4.41MLN
OCH	10,500	9.38	0.118	552,000

TOP 5 CP LÀM GIẢM CHỈ SỐ

HOSE

Mã	Giá	% thay đổi	TĐCS	KLGD
VIC	125,400	-1.80	-2.071	1.51MLN
VCB	100,000	-1.86	-1.876	1.58MLN
BID	44,800	-1.65	-0.803	4.41MLN
VHM	99,700	-0.80	-0.713	1.58MLN
VIB	51,200	-3.94	-0.620	1.31MLN

HNX

CP	Giá	% thay đổi	TĐCS	KLGD
THD	194,800	-0.66	-0.497	461,000
ART	10,200	-8.11	-0.121	13.85MLN
HHC	84,500	-7.65	-0.092	100
HUT	7,000	-2.78	-0.074	6.10MLN
CEO	13,000	-2.26	-0.067	7.56MLN

TOP 5 CP TĂNG GIÁ MẠNH NHẤT ĐI CÙNG KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN

HOSE

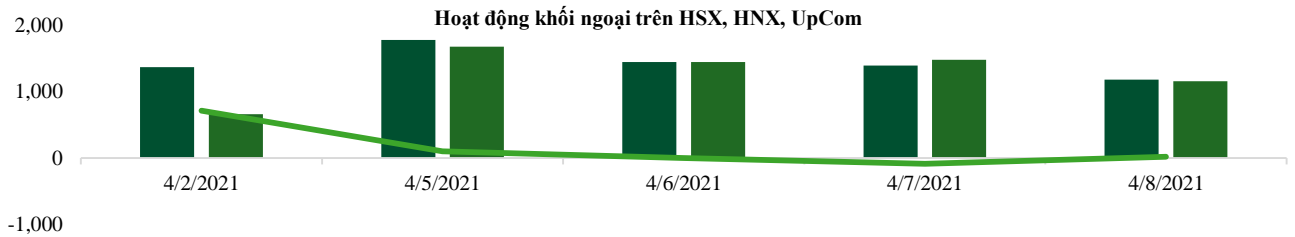
Mã	Vốn hóa	Giá	KLGD	% thay đổi giá
DLG	969.76	3,240	22,226,000	6.93
SAV	624.98	44,000	65,400	6.93
CKG	1,340.62	16,250	4,831,400	6.91
DIG	10,715.90	30,900	10,477,800	5.46
ROS	3,002.59	5,290	38,376,700	5.17

HNX

Mã	Vốn hóa	Giá	KLGD	% thay đổi giá
ACM	168.30	3,300	14,993,900	10.00
TDN	267.90	9,100	780,300	9.64
TDN	267.90	9,100	780,300	9.64
HHG	160.52	4,600	1,486,400	9.52
L18	571.75	15,000	60,300	9.49

TOP 10 DOANH NGHIỆP CÓ LỢI NHUẬN SAU THUẾ TĂNG TRƯỞNG SO VỚI CÙNG KỲ

STT	Mã	Giá đóng cửa (x1000 VND)	KLGD (cổ phiếu)	LNST Q4.2019 (Tỷ VND)	LNST Q4.2020 (Tỷ VND)	% thay đổi LNST (yoy)
1	VDS	16.40	679,400	0.22	99.98	45345.45%
2	THD	194.80	461,000	15.16	1,019.64	6625.86%
3	NKG	24.35	2,560,800	7.16	153.98	2050.56%
4	SHS	31.60	9,507,900	35.72	348.59	875.90%
5	VIX	31.40	5,598,200	14.83	132.72	794.94%
6	SBT	22.65	1,851,800	15.93	139.55	776.02%
7	NDN	26.00	504,600	12.20	70.62	478.85%
8	BVH	62.40	713,300	106.10	474.55	347.27%
9	IJC	29.10	3,836,600	34.38	144.69	320.86%
10	MSB	22.05	4,592,700	175.52	683.30	289.30%



TOP 5 CP MUA RÒNG CỦA NĐTNN

HOSE

Mã	Giá	GT mua (VND)	GT Bán (VND)	Giá trị ròng (VND)
VRE	35,300	93,228.95	21,266.52	71,962.43
NVL	88,800	37,840.14	2,611.05	35,229.09
HPG	49,350	119,350.58	92,704.34	26,646.24
STB	22,200	21,393.67	2,243.09	19,150.58
VJC	133,000	20,781.88	5,147.76	15,634.12

TOP 5 CP BÁN RÒNG CỦA NĐTNN

HOSE

Mã	Giá	GT mua (VND)	GT Bán (VND)	Giá trị ròng (VND)
BID	44,800	1,035.46	38,631.68	37,596.23
VNM	99,900	104,972.10	135,237.52	30,265.42
KDH	31,400	892.93	30,869.88	29,976.96
VCB	100,000	30,463.22	57,634.47	27,171.25
CTG	42,600	3,838.74	30,535.51	26,696.78

HNX

Mã	Giá	GT mua (VND)	GT Bán (VND)	Giá trị ròng (VND)
VND	35,500	25,840.98	6,614.47	19,226.51
SHS	31,600	10,598.38	382.00	10,216.38
IDV	83,000	1,020.55	-	1,020.55
ACM	3,300	1,479.18	568.11	911.07
PSD	19,600	728.01	-	728.01

HNX

Mã	Giá	GT mua (VND)	GT Bán (VND)	Giá trị ròng (VND)
CVN	10,800	9.18	1,438.77	1,429.59
PVS	24,000	253.95	1,133.80	879.85
PPS	10,600	-	833.54	833.54
CSC	38,800	-	663.92	663.92
PVC	11,400	53.58	605.52	551.94

UPCOM

Mã	Giá	GT mua (VND)	GT Bán (VND)	Giá trị ròng (VND)
QNS	44,000	9,662.88	1,321.50	8,341.38
SIP	179,900	3,237.00	-	3,237.00
HPP	58,700	2,555.96	-	2,555.96
LTG	35,000	1,741.87	-	1,741.87
MML	56,900	1,693.14	-	1,693.14

UPCOM

Mã	Giá	GT mua (VND)	GT Bán (VND)	Giá trị ròng (VND)
VTP	87,300	336.63	6,683.25	6,346.62
ACV	73,300	316.17	3,706.96	3,390.79
ABI	43,000	338.14	2,338.06	1,999.92
VEA	45,000	436.22	2,096.60	1,660.38
CTR	91,700	18.46	1,193.40	1,174.94

ĐIỀU KHOẢN SỬ DỤNG

Báo cáo này và/hoặc bất kỳ nhận định, thông tin nào trong báo cáo này không phải là các lời chào mua hay bán bất kỳ một sản phẩm tài chính, chứng khoán nào được phân tích trong báo cáo và cũng không là sản phẩm tư vấn đầu tư hay ý kiến tư vấn đầu tư nào của VCBS hay các đơn vị/thành viên liên quan đến VCBS. Do đó, nhà đầu tư chỉ nên coi báo cáo này là một nguồn tham khảo. VCBS không chịu bất kỳ trách nhiệm nào trước những kết quả ngoài ý muốn khi quý khách sử dụng các thông tin trên để kinh doanh chứng khoán.

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo phân tích đều đã được thu thập, đánh giá với mức cẩn trọng tối đa có thể. Tuy nhiên, do các nguyên nhân chủ quan và khách quan từ các nguồn thông tin công bố, VCBS không đảm bảo về tính xác thực của các thông tin được đề cập trong báo cáo phân tích cũng như không có nghĩa vụ phải cập nhật những thông tin trong báo cáo sau thời điểm báo cáo này được phát hành.

Báo cáo này thuộc bản quyền của VCBS. Mọi hành động sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung báo cáo và/hoặc xuất bản mà không có sự cho phép bằng văn bản của VCBS đều bị nghiêm cấm.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trần Minh Hoàng

Trưởng phòng Phân tích & Nghiên cứu

tmhoang@vcbs.com.vn

Mai Ngọc Kha

Trưởng bộ phận Phát triển khách hàng

mnkha@vcbs.com.vn

Nguyễn Hoàng Minh

Chiến lược gia thị trường

nhminh@vcbs.com.vn

Hoàng Tùng Vũ

Chuyên viên phân tích thị trường

htvu@vcbs.com.vn